

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09/9/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đình Giang; Ông Nguyễn Quốc Sửu.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 2001 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Thân VĂN t, sinh năm 1991 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn T, xã N, huyện TY, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh T ngày 10/12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thời gian vợ chồng chung thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khi chị sinh con được một tháng chị và con về nhà bố mẹ đẻ sống, anh T có đến thăm mẹ con chị, tại đây anh T và em trai ruột của chị có xảy ra xô xát với với nhau, chị can ngăn thì anh T chửi chị, đánh đập chị, từ đó vợ chồng sống ly thân nên đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên xin được ly hôn anh Thân VĂN t.

- Về nuôi dưỡng con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Thân Thị Minh T, sinh ngày 21/5/2020, hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ 01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2020, bị đơn là anh Thân VĂN t trình bày: Anh kết hôn với chị H năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn mà nguyên nhân chủ yếu là do mẹ vợ tác động đến vợ chồng anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về nuôi dưỡng con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Thân Thị Minh T, sinh ngày 21/5/2020 hiện nay đang ở với chị H. Khi ly hôn anh không đồng ý để chị H nuôi dưỡng con và không đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà: anh T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Thân VĂN t, giao cho chị H nuôi dưỡng con chung, anh T cấp dưỡng 1.000.000đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T có nơi cư trú tại Thôn T, xã N, huyện TY. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn ngày 11/12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm sống, chị H về sống ở nhà bố mẹ để vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị H xin ly hôn anh T không đồng ý. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H, anh T có 01 con chung Thân Thị Minh T, sinh ngày 21/5/2020 hiện nay đang ở với chị H, con chung còn nhỏ căn cứ khoản 3

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy anh T có nghề làm thợ cắt tóc nên có thu nhập do đó cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị H với mức là 1.000.000đồng/01 tháng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Sau khi ly hôn, anh Thân VĂN t có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Thân Văn T phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm **b** khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Thân VĂN t.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Thân Thị Minh T, sinh ngày 21/5/2020.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thân VĂN t có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vũ Thị H với mức là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Thân VĂN t có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung chị Vũ Thị H không được cản trở anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh T không nộp đủ số tiền cấp dưỡng trên thì còn phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm nộp đối với số tiền chậm nộp cho đến khi nộp xong.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006409 ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Thân Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã Ngọc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Duyên

